BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **83** /QĐ-ĐHGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 66/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ĐHGTVT ngày 11/01/2021 của Hội đồng Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29/01/2021 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho **138** sinh viên trình độ đại học chính quy, cụ thể như sau:

- **08** sinh viên ngành Công nghệ thông tin;
- **01** sinh viên ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;
- **12** sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông gồm: 03 sinh viên chuyên ngành Xây dựng cầu đường, 01 sinh viên chuyên ngành Xây dựng cầu hầm, 08 sinh viên chuyên ngành Xây dựng công trình thủy và thềm lục địa;
- **11** sinh viên ngành Kỹ thuật điện gồm: 06 sinh viên chuyên ngành Điện công nghiệp và 05 sinh viên chuyên ngành Điện và tự động tàu thủy;
- **01** sinh viên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông chuyên ngành Điện tử - viễn thông;
- **05** sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp;
- **01** sinh viên ngành Kinh tế xây dựng chuyên ngành Quản lý dự án xây dựng;
- **92** sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng gồm: 30 sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật kết cấu công trình, 05 sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm và 57 sinh viên chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- **01** sinh viên ngành Kỹ thuật tàu thủy chuyên ngành Công nghệ đóng tàu thủy;
- **01** sinh viên ngành Kỹ thuật cơ khí chuyên ngành Cơ khí tự động;

- **02** sinh viên ngành Khoa học hàng hải gồm: 01 sinh viên chuyên ngành Điều khiển tàu biển và 01 sinh viên chuyên ngành Thiết bị năng lượng tàu thủy;

- **03** sinh viên ngành Kỹ thuật môi trường.

(Kèm theo danh sách 138 sinh viên).

Điều 2. Thời gian công nhận tốt nghiệp kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa/ Viện, Trưởng các bộ phận liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT (ThB).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Xuân Phương

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Sinh viên đại học chính quy được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

*(Kèm theo Quyết định số **83** / QĐ-ĐHGTVT ngày 29 / 01 / 2021*
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh)

1. Ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651120007	Tô Vũ	Dương	06/07/1998	Nam	CN16A	Khá	
2	1651120014	Trịnh Quang	Hiệp	05/10/1998	Nam	CN16A	Khá	
3	1651120031	Đỗ Thị Kim	Liên	15/06/1998	Nữ	CN16A	Giỏi	
4	1651120032	Nguyễn Quang	Lĩnh	23/06/1998	Nam	CN16A	Khá	
5	1651120081	Trần Thanh	Đại	13/03/1998	Nam	CN16B	Khá	
6	1651120082	Nguyễn Huỳnh	Đức	19/11/1998	Nam	CN16B	Khá	
7	1651120107	Nguyễn Xuân	Nam	26/11/1997	Nam	CN16B	Khá	
8	1651120117	Lê Thanh	Tài	08/09/1998	Nam	CN16B	Giỏi	

2. Ngành MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651150027	Phạm Đức	Quốc	21/02/1998	Nam	KM16	Khá	

3. Ngành KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Chuyên ngành XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1351090132	Huỳnh Văn	Mười	26/12/1995	Nam	CD13	Khá	
2	1351090326	Trần Văn	Thống	16/05/1995	Nam	CD13	Khá	
3	1551090025	Nguyễn Văn	Khánh	08/01/1997	Nam	CD15	Khá	

Chuyên ngành XÂY DỰNG CẦU HẦM

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1351090199	Đinh Duy	Khánh	01/01/1995	Nam	CH13	Trung bình	

Chuyên ngành XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY - THỀM LỤC ĐỊA

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1351090314	Nguyễn Ngọc	Thắng	08/09/1994	Nam	CT13	Trung bình	
2	1351090423	Hồ Công	Vân	08/11/1994	Nam	CT13	Trung bình	
3	1551090041	Nguyễn Hồng Mạnh	Phi	12/08/1997	Nam	CT15	Khá	
4	1551090054	Bùi Văn	Thanh	14/04/1997	Nam	CT15	Trung bình	
5	1551090121	Trần Minh	Tuấn	24/04/1997	Nam	CT15	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
6	1551090155	Lê Phan Bảo	Huy	01/01/1997	Nam	CT15	Trung bình	
7	1551090157	Nguyễn Trung	Kiên	01/01/1997	Nam	CT15	Trung bình	
8	1551090171	Nguyễn Thái	Phong	12/12/1996	Nam	CT15	Khá	

4. Ngành KỸ THUẬT ĐIỆN

Chuyên ngành ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1451030276	Mai Hoàng	Long	05/09/1996	Nam	DC14	Trung bình	
2	1551030017	Lê Hoài	Đức	10/11/1997	Nam	DC15A	Trung bình	
3	1551030025	Trần Ngọc	Hưng	28/04/1996	Nam	DC15A	Khá	
4	1551030333	Bùi Minh	Tuấn	22/12/1997	Nam	DC15B	Khá	
5	1651030020	Trần Minh	Hiếu	25/05/1998	Nam	DC16A	Khá	
6	1651030142	Đào Nguyễn Anh	Tuấn	29/06/1998	Nam	DC16B	Khá	

Chuyên ngành ĐIỆN VÀ TỰ ĐỘNG TÀU THỦY

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1451030122	Trần Hồng	Quân	16/09/1995	Nam	DT15	Trung bình	
2	1551030074	Nguyễn	Công	15/05/1997	Nam	DT15	Trung bình	
3	1551030093	Đinh Văn	Huân	20/02/1997	Nam	DT15	Trung bình	
4	1651030064	Nguyễn Duy Quốc	Thái	14/01/1998	Nam	DT16	Giỏi	
5	1651030071	Nguyễn Phúc	Thịnh	20/10/1998	Nam	DT16	Khá	

5. Ngành KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

Chuyên ngành ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651040031	Trần Quy	Nhơn	22/08/1998	Nam	DV16	Khá	

6. Ngành KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Chuyên ngành TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651050012	Nguyễn Văn	Hiếu	25/02/1998	Nam	TD16A	Khá	
2	1651050039	Đặng Trần Hoàn	Tất	04/09/1998	Nam	TD16A	Khá	
3	1651050056	Nguyễn Ngọc	Trinh	20/07/1998	Nam	TD16A	Khá	
4	1651050006	Phan Văn	Duy	20/07/1998	Nam	TD16A	Khá	
5	1651050104	Lê Ngọc	Sử	20/10/1998	Nam	TD16B	Trung bình	

7. Ngành KINH TẾ XÂY DỰNG

Chuyên ngành QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1454020057	Phạm Hữu	Thống	02/02/1996	Nam	QX14	Trung bình	

8. Ngành KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Chuyên ngành KỸ THUẬT KẾT CẤU CÔNG TRÌNH

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1451160122	Trình Anh	Phi	06/12/1996	Nam	KC15	Trung bình	
2	1551160019	Nguyễn Hoàng	Hiệp	25/05/1996	Nam	KC15	Trung bình	
3	1551160106	Lê Anh	Tuấn	21/07/1997	Nam	KC15	Trung bình	
4	1651160002	Phùng Ngọc	Ẩn	09/01/1997	Nam	KC16	Khá	
5	1651160007	Lê Quốc	Chánh	26/09/1998	Nam	KC16	Khá	
6	1651160017	Lê Đình	Hân	04/03/1998	Nam	KC16	Khá	
7	1651160044	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/06/1998	Nam	KC16	Giỏi	
8	1651160057	Phan Xuân	Trường	16/01/1997	Nam	KC16	Trung bình	
9	1651160065	Nguyễn Trường	Duy	01/06/1998	Nam	KC16	Giỏi	
10	1651160069	Lâm Sỹ	Đồng	05/02/1998	Nam	KC16	Khá	
11	1651160076	Hoàng Trọng	Khánh	11/02/1998	Nam	KC16	Khá	
12	1651160078	Nguyễn Anh	Khoa	23/09/1998	Nam	KC16	Khá	
13	1651160092	Nguyễn Duy	Quyền	11/02/1998	Nam	KC16	Khá	
14	1651160094	Phạm Hoài	Sinh	01/01/1998	Nam	KC16	Khá	
15	1651160111	Bùi Quốc	Thắng	16/05/1998	Nam	KC16	Khá	
16	1651160123	Nguyễn Anh	Dũng	03/01/1998	Nam	KC16	Khá	
17	1651160127	Đoàn Thị Thùy	Dương	10/08/1998	Nữ	KC16	Giỏi	
18	1651160131	Phạm Văn	Đủ	15/11/1998	Nam	KC16	Khá	
19	1651160144	Trần Quốc	Khánh	27/05/1998	Nam	KC16	Khá	
20	1651160148	Văn Yến	Nhi	20/12/1997	Nữ	KC16	Khá	
21	1651160178	Nguyễn Phạm Công	Danh	02/09/1998	Nam	KC16	Giỏi	
22	1651160186	Trịnh Xuân	Hoàng	09/02/1998	Nam	KC16	Khá	
23	1651160188	Lê Quốc	Huy	12/06/1998	Nam	KC16	Khá	
24	1651160190	Nguyễn Đình	Huy	15/06/1998	Nam	KC16	Giỏi	
25	1651160198	Nguyễn Văn	Khôi	01/10/1998	Nam	KC16	Khá	
26	1651160213	Võ Minh	Tài	22/02/1998	Nam	KC16	Khá	
27	1651160218	Nguyễn Công	Thành	28/02/1997	Nam	KC16	Khá	
28	1651160219	Lê Thị Thu	Thảo	10/09/1998	Nữ	KC16	Khá	
29	1651160226	Huỳnh Nguyễn Minh	Thuấn	03/08/1998	Nam	KC16	Khá	
30	1651160229	Lê Huy	Trường	24/08/1998	Nam	KC16	Khá	

Chuyên ngành KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1551160091	Nguyễn Tấn	Nam	11/02/1997	Nam	NM15	Trung bình	
2	1551160099	Lê Quang	Phúc	10/06/1997	Nam	NM15	Trung bình	
3	1551160175	Ngô Quang	Thịnh	11/03/1997	Nam	NM15	Khá	
4	1651160028	Nguyễn Văn	Hường	04/12/1998	Nam	NM16	Trung bình	
5	1551160194	Nguyễn Đức	Dương	27/04/1997	Nam	NM16	Trung bình	

Chuyên ngành XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1251160076	Bùi Văn	Thảo	02/03/1994	Nam	XC12D	Trung bình	
2	1551160062	Tôn Quỳnh	Anh	26/07/1997	Nữ	XC15A	Trung bình	
3	1551160067	Nguyễn Ngọc Bảo	Duy	17/04/1997	Nam	XC15A	Trung bình	
4	1551160164	Phan Thanh	Tài	24/02/1996	Nam	XC15B	Trung bình	
5	1551160169	Hồ Xuân	Tường	27/07/1997	Nam	XC15B	Trung bình	
6	1551160180	Đinh Quang	Trường	07/05/1997	Nam	XC15B	Trung bình	
7	1551160233	Nguyễn Xuân	Thắng	20/03/1997	Nam	XC15B	Trung bình	
8	1551160243	Lê Hoàng	Vũ	26/01/1997	Nam	XC15B	Trung bình	
9	1651160003	Huỳnh Văn	Bảo	14/01/1998	Nam	XC16A	Khá	
10	1651160011	Cao Văn	Đạt	07/05/1998	Nam	XC16A	Trung bình	
11	1651160013	Phùng Xuân	Đạt	01/04/1998	Nam	XC16A	Trung bình	
12	1651160019	Phạm Bá	Hiền	28/12/1998	Nam	XC16A	Khá	
13	1651160022	Nguyễn Ngọc	Hiệu	23/05/1998	Nam	XC16A	Khá	
14	1651160023	Đặng Thanh	Hoàng	10/09/1998	Nam	XC16A	Trung bình	
15	1651160024	Võ Minh	Hoàng	25/10/1998	Nam	XC16A	Khá	
16	1651160025	Bùi Đức	Hùng	25/03/1998	Nam	XC16A	Khá	
17	1651160031	Võ Đình	Nghi	17/01/1998	Nam	XC16A	Khá	
18	1651160033	Phan	Nhựt	18/09/1997	Nam	XC16A	Trung bình	
19	1651160045	Nguyễn Tiến	Tài	06/07/1998	Nam	XC16A	Khá	
20	1651160056	Nguyễn Phi	Trường	18/10/1998	Nam	XC16A	Khá	
21	1651160061	Hoàng	Dinh	01/06/1998	Nam	XC16A	Khá	
22	1651160063	Nguyễn Anh	Dũng	05/03/1998	Nam	XC16A	Trung bình	
23	1651160074	Phạm Ngọc Đức	Huy	03/04/1997	Nam	XC16A	Khá	
24	1651160081	Nguyễn Xuân	Lộc	18/06/1998	Nam	XC16A	Khá	
25	1651160082	Trà Bảo	Lộc	26/12/1998	Nam	XC16A	Khá	
26	1651160083	Nguyễn Phương	Nam	22/01/1998	Nam	XC16A	Khá	
27	1651160085	Phạm Minh	Ngoan	09/06/1998	Nam	XC16A	Khá	
28	1651160087	Lê Đoàn Hữu	Phúc	22/08/1998	Nam	XC16A	Khá	
29	1651160089	Nguyễn Hồ Hoàng	Phương	31/08/1998	Nam	XC16A	Khá	
30	1651160090	Tống Văn	Phương	02/03/1998	Nam	XC16A	Khá	
31	1651160091	Nguyễn Mạnh	Quân	02/06/1998	Nam	XC16A	Khá	
32	1651160093	Nguyễn Trường	Sinh	10/02/1998	Nam	XC16A	Khá	
33	1651160099	Nguyễn Văn	Tiến	17/09/1994	Nam	XC16A	Khá	
34	1651160101	Văn Viết Thành	Toàn	10/10/1998	Nam	XC16A	Khá	
35	1651160110	Nguyễn Huy	Tương	10/11/1998	Nam	XC16A	Khá	
36	1651160112	Bùi Trọng	Trí	23/01/1998	Nam	XC16B	Trung bình	
37	1651160114	Nguyễn Thanh	Trúc	20/11/1997	Nam	XC16B	Khá	
38	1651160116	Châu Triệu	Vũ	17/01/1998	Nam	XC16B	Trung bình	
39	1651160135	Nguyễn Trường	Hận	07/07/1998	Nam	XC16B	Khá	
40	1651160138	Bùi Bảo	Huy	28/09/1998	Nam	XC16B	Khá	
41	1651160151	Lê Hoàng	Phú	01/04/1998	Nam	XC16B	Khá	
42	1651160168	Nguyễn Hoàng	Thái	14/12/1998	Nam	XC16B	Giỏi	

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
43	1651160174	Hoàng Ngọc	Anh	28/03/1998	Nam	XC16B	Trung bình	
44	1651160179	Nguyễn Thành	Đạt	20/06/1998	Nam	XC16B	Trung bình	
45	1651160180	Nguyễn Duy Hải	Đăng	06/05/1998	Nam	XC16B	Khá	
46	1651160191	Nguyễn Thanh	Huy	14/10/1998	Nam	XC16B	Khá	
47	1651160192	Nguyễn Văn	Huy	04/02/1998	Nam	XC16B	Khá	
48	1651160197	Huỳnh Châu	Khiêm	15/10/1998	Nam	XC16B	Khá	
49	1651160199	Đặng Đức	Lành	09/03/1998	Nam	XC16B	Khá	
50	1651160204	Trần Minh	Nhật	15/09/1998	Nam	XC16B	Khá	
51	1651160209	Hà Tấn	Phúc	03/10/1998	Nam	XC16B	Khá	
52	1651160214	Ngô Duy	Tân	01/08/1998	Nam	XC16B	Khá	
53	1651160215	Nguyễn Minh	Tiến	10/01/1998	Nam	XC16B	Khá	
54	1651160216	Nguyễn Kim	Thanh	24/10/1998	Nam	XC16B	Khá	
55	1651160220	Trình Quốc	Thắng	01/01/1998	Nam	XC16B	Khá	
56	1651160228	Nguyễn Tấn	Trí	09/10/1998	Nam	XC16B	Khá	
57	1651160230	Nguyễn Minh	Vinh	20/12/1998	Nam	XC16B	Khá	

9. Ngành KỸ THUẬT TÀU THỦY

Chuyên ngành CÔNG NGHỆ ĐÓNG TÀU THỦY

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1551070002	Lê Minh	Anh	21/03/1997	Nam	ND15	Trung bình	

10. Ngành KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Chuyên ngành CƠ KHÍ TỰ ĐỘNG

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651080243	Nguyễn Bùi Duy	Tân	11/06/1998	Nam	AM16	Khá	

11. Ngành KHOA HỌC HÀNG HẢI

Chuyên ngành ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1651010010	Vương Trường	Đạt	11/02/1998	Nam	HH16A	Trung bình	

Chuyên ngành THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG TÀU THỦY

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1551020280	Ninh Quang	Tuấn	03/10/1997	Nam	TN15	Trung bình	

12. Ngành KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		NTNS	Giới tính	Lớp	Xếp loại	Ghi chú
1	1653200020	Nguyễn Tiến	Thành	18/08/1998	Nam	MG16	Khá	
2	1653200036	Mai Long	Hải	27/01/1998	Nam	MG16	Trung bình	
3	1653200069	Hoàng Thiên	Phú	26/03/1998	Nam	MG16	Khá	

Danh sách gồm có **138** sinh viên./.